

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Sơn**
2. Ông **Nguyễn Minh Trọn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Vẹn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Tính** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/8/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Cao Thị C**, sinh năm: 1990 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh C.
2. *Bị đơn:* Anh **Kim Văn B**, sinh năm: 1988 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2020 và các lời khai tại tòa nguyên đơn chị Cao Thị C trình bày:

Chị Cao Thị C và anh Kim Văn B thành hôn với nhau năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc, chị C và anh B sống ly thân năm 2018 đến nay. Vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh Kim Văn B. Chị Cao Thị C và anh Kim Văn B có 01 con chung là Kim Song D, sinh ngày 01/8/2009, chị C đang nuôi dạy. Chị C yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung, không có không yêu cầu Tòa án xem xét

giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với anh Kim Văn B nhưng anh B vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Vụ án từ khi thụ lý đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị C; Con chung: Giao con chung là Kim Song D cho chị Cao Thị C nuôi dạy, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung, không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Kim Văn B có nơi cư trú tại huyện Phú Tân, nguyên đơn chị Cao Thị C khởi kiện xin ly hôn với anh Kim Văn B nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai đối với anh Kim Văn B nhưng anh B vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Cao Thị C và anh Kim Văn B thành hôn với nhau năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C. Được thể hiện tại Trích lục kết hôn (bản sao) số 76/TLKH-BS ngày 10/3/2020 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị C và anh Kim Văn B được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn chị Cao Thị C trình bày trong thời gian chung sống chị C và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh Kim Văn B. Bị đơn anh Kim Văn B không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và phía nguyên đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của nguyên đơn nên không có căn cứ chấp nhận đây là nguyên nhân mâu thuẫn để xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị C vẫn giữ ý yêu cầu xin ly hôn với anh Kim Văn B và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh B. Đồng thời khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Chị Cao Thị C và anh Kim Văn B có 01 con chung là Kim Song D, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2009 do chị Cao Thị C nuôi dạy, chị C yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao

con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dạy sau khi ly hôn phải xem xét đến nguyện vọng của con chung vì cháu Kim Song D nay đã trên 07 tuổi nên phải xem xét đến nguyện vọng của cháu. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Kim Song D thì thể hiện nguyện vọng của cháu D sống với chị C. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao Kim Song D cho chị C trực tiếp nuôi dạy là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị C, chị C được ly hôn với anh Kim Văn B.

Về con chung: Giao Kim Song D, sinh ngày 01/8/2009 cho chị Cao Thị C nuôi dạy, anh Kim Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh B thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình chị Cao Thị C phải chịu 300.000 đồng. Chị C có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011945 ngày 20/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh C được chuyển thu.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Võ Minh Luân